

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn – Đồng Thị Lý

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:166/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2022/QĐ-HPT ngày 21/11/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Y, sinh ngày 21/9/1985.

Trú tại: xóm 2, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 16/02/1978.

Trú tại: xóm 2, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- **Về quan hệ tình cảm:** Chị Lê Thị Y và Anh Nguyễn Hữu Đ cưới nhau vào tháng 01/2008, việc cưới hỏi diễn ra theo phong tục tập quán địa phương, được gia hai bên đồng ý.Chị Y, Anh Đ đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 03 ngày 28/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là Anh Đ không có thức xây dựng hôn nhân lâu dài đối với Chị Y, Anh Đ không chịu làm ăn, không thông cảm thấu hiểu tâm lý cho vợ, có suy nghĩ không tốt về vợ, lập trường không vững, nên Anh Đ đã bạo hành đối với Chị Y nhiều lần.Do mâu thuẫn

xảy ra liên tục thường xuyên đã làm hôn nhân có dấu hiệu tan rã đổ vỡ. Tháng 9/2020 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hết sức sâu sắc, Chị Y đã chủ động sống ly thân cắt đứt các quan hệ đối với Anh Đ. Sau khi mâu thuẫn xảy ra Chị Y xác định hôn nhân giữa chị và Anh Đ đã hoàn toàn đổ vỡ, nên chị không liên lạc với Anh Đ, không yêu cầu gia đình, các tổ chức đoàn thể và chính quyền xã nơi chị và Anh Đ cư trú tổ chức hòa giải cho vợ chồng mà để mặc hậu quả xảy ra. Chị Y thấy đã mất hết tình cảm, tình yêu đối với Anh Đ không thể duy trì hôn nhân đối với Anh Đ, hôn nhân đã hoàn đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng thể hàn gắn đoàn tụ. Để ổn định cuộc sống Chị Y đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn Anh Nguyễn Hữu Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu T (Giới tính: Nam), sinh ngày 27/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Bảo T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 09/01/2012. Sau khi vợ chồng sống ly thân cháu Thông sinh sống với Anh Đ một thời gian, cháu T đang sinh sống trực tiếp với mẹ. Sau khi sống với Anh Đ một thời gian khoảng 3 tháng cháu T thấy bố ít quan tâm đến cháu về mọi mặt, nên cháu đã đến sống với Chị Y, được Chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị đề nghị giao 2 con chung cho chị được trực tiếp sóc nuôi dưỡng, vì hai con chung đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, Chị Y không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị Lê Thị Y không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của Anh Đ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại xã L, huyện Y thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Chị Lê Thị Y, Anh Nguyễn Hữu Đ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xóm 2, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với nguyên đơn Chị Lê Thị Y, bị đơn Anh Nguyễn Hữu Đ yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng Anh Đ không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã tổng đạt hợp lệ đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các

đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Anh Nguyễn Hữu Đ.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa Chị Lê Thị Y, Anh Nguyễn Hữu Đ đúng quy định của pháp luật. Chị Y, Anh Đ tự nguyện xây dựng hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 03 ngày 28/01/2008, nên xác định hôn nhân giữa Chị Lê Thị Y, Anh Nguyễn Hữu Đ là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa Chị Y, Anh Đ tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói chung hôn nhân, các bên đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau trong quá trình sống chung, Anh Đ đã có bạo hành gia đình đối với Chị Y dẫn đến vợ chồng mất hết tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Các bên sống ly thân từ tháng 9 năm 2020, quá trình sống ly thân vợ chồng không có ý thức níu kéo hôn nhân để tiếp tục duy trì hôn nhân. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa Chị Y, Anh Đ đã thực sự tan rã đổ vỡ, tình cảm, sợi dây gắn kết hôn nhân giữa các bên không còn. Nay Chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Nguyễn Hữu Đ là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Lê Thị Y được ly hôn Anh Nguyễn Hữu Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Hai con chung của vợ chồng đang được Chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy không có sự hỗ trợ của Anh Đ về việc nuôi con chung, nhưng Chị Y đã nuôi dạy con tốt, con chung phát triển tốt về mọi mặt. Chị Y đề nghị giao hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Lê Thị Y.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu Anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho Anh Đ cho đến lúc có yêu cầu.

- **Về quan hệ tài sản:** Chị Lê Thị Y không yêu cầu tòa giải quyết, nên miễn xét.

- **Về án phí:** Buộc Chị Lê Thị Y nộp án phí ly hôn sơ thẩm.
Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Lê Thị Y được ly hôn Anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Hữu T (Giới tính: Nam), sinh ngày 27/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Bảo T (Giới tính: Nữ); Sinh ngày 09/01/2012 cho Chị Lê Thị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho Anh Nguyễn Hữu Đ vì Chị Y không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hữu Đ người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Lê Thị Y nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0012145 ngày 05/10/2022. Chị Lê Thị Y đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã L, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã L (Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc